

Phụ lục 2: Hệ thống ngành kinh tế xanh quốc gia

| STT | Mã ngành | Ngành kinh tế xanh | Phân loại | Nội dung các hoạt động |
|--|----------|-------------------------------------|------------|--|
| A - NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN | | | | |
| 1 | 011.X | Trồng cây hằng năm mô hình bền vững | Ngành xanh | Ngành này gồm các hoạt động gieo trồng các loại cây có chu kỳ sinh trưởng của cây không kéo dài hơn một năm và đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng công nghệ tiết kiệm nước - Tiết kiệm diện tích trồng trọt - Sử dụng tối ưu phân bón - Đáp ứng tiêu chuẩn VietGAP |
| 2 | 012.X | Trồng cây lâu năm mô hình bền vững | Ngành xanh | Nhóm này bao gồm các hoạt động trồng các loại cây có chu kỳ sinh trưởng nhiều hơn một năm hoặc có thời gian sinh trưởng trong một năm nhưng cho thu hoạch sản phẩm trong nhiều năm, và đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng công nghệ tiết kiệm nước, trồng cây dưới tán rừng - Tiết kiệm diện tích trồng trọt - Sử dụng tối ưu phân bón - Đáp ứng tiêu chuẩn VietGAP |
| 3 | 014.X | Chăn nuôi mô hình bền vững | Ngành xanh | Nhóm này bao gồm tất cả hoạt động chăn nuôi các động vật (trừ thủy sản), và đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Mô hình chăn nuôi tuần hoàn, kết hợp chăn nuôi dưới tán rừng - Đáp ứng tiêu chuẩn VietGAP |
| 4 | 016.X | Hoạt động dịch vụ nông nghiệp xanh | Ngành xanh | Hoạt động dịch vụ nông nghiệp xanh, bao gồm việc cung cấp các dịch vụ trồng trọt xanh, chăn nuôi xanh, dịch vụ sau thu hoạch xanh, xử lý hạt giống để nhân giống xanh |

| STT | Mã ngành | Ngành kinh tế xanh | Phân loại | Nội dung các hoạt động |
|-----|----------|---|------------------|---|
| 5 | 01700.X | Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan | Ngành chuyên đổi | <p>Nhóm này gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Săn bắt và bắt thú để bán; - Bắt động vật để làm thực phẩm, lấy lông, lấy da hoặc để phục vụ cho mục đích nghiên cứu, nuôi trong sở thú hay trong gia đình; - Sản xuất da, lông thú, da bò sát và lông chim từ các hoạt động săn bắt; - Bắt động vật có vú ở biển như hà mã và hải cẩu; - Hoạt động khai thác yến ở hang, xây nhà gọi yến; - Thuần hoá thú săn được ở các vườn thú; - Các hoạt động dịch vụ nhằm kích thích sự săn bắt và đánh bắt để bán; <p>Và đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý bền vững về số lượng động vật được bắt bắt hoặc săn bắt, duy trì cân bằng trong hệ sinh thái - Thúc đẩy nuôi nhốt trong điều kiện tự nhiên: Nếu việc nuôi trong điều kiện nhốt là cần thiết (ví dụ: nuôi trong vườn thú), đảm bảo rằng điều kiện nuôi dưỡng giống với môi trường tự nhiên và đảm bảo sự phục hồi của loài. - Sử dụng công nghệ theo dõi: Sử dụng công nghệ để theo dõi và đánh giá số lượng và sức kháng của động vật hoang dã để đảm bảo quản lý bền vững. |
| 6 | 0210.X | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp | Ngành xanh | <p>Nhóm này gồm các hoạt động nhằm phát triển, duy trì và bảo tồn đa dạng sinh học các loại rừng, bao gồm rừng nhiệt đới, rừng ngập mặn và các loại rừng khác; gồm hoạt động trồng rừng tập trung, khoanh nuôi tái sinh kết hợp trồng rừng, chăm sóc rừng mới trồng chưa đạt tiêu chuẩn rừng. Các hoạt động trên được thực hiện ở rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng. Nhóm này còn bao gồm các hoạt động chuyên ươm giống cây lâm nghiệp; trồng cây lâm nghiệp phân tán có mục đích thương mại tại những diện tích có quy mô chưa đạt tiêu chuẩn rừng.</p> |

| STT | Mã ngành | Ngành kinh tế xanh | Phân loại | Nội dung các hoạt động |
|--|----------|---|------------|---|
| | | | | Các hoạt động của nhóm này phải đáp ứng các điều kiện theo tiêu chuẩn quản lý rừng, môi trường quốc gia; |
| 7 | 0210.X | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp | Ngành xanh | <p>Nhóm này gồm các hoạt động nhằm phát triển, duy trì và bảo tồn đa dạng sinh học các loại rừng, bao gồm rừng nhiệt đới, rừng ngập mặn và các loại rừng khác; gồm hoạt động trồng rừng tập trung, khoanh nuôi tái sinh kết hợp trồng rừng, chăm sóc rừng mới trồng chưa đạt tiêu chuẩn rừng. Các hoạt động trên được thực hiện ở rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng. Nhóm này còn bao gồm các hoạt động chuyên ươm giống cây lâm nghiệp; trồng cây lâm nghiệp phân tán có mục đích thương mại tại những diện tích có quy mô chưa đạt tiêu chuẩn rừng.</p> <p>Các hoạt động của nhóm này phải đáp ứng các điều kiện theo tiêu chuẩn quản lý rừng, môi trường quốc gia;</p> |
| 8 | 03.X | Khai thác thủy sản và nuôi trồng thủy sản bền vững | Ngành xanh | <p>Ngành này gồm các hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản từ các môi trường nước mặn, lợ, ngọt bền vững</p> <p>Bao gồm cả các hoạt động được tích hợp trong một quy trình (ví dụ như nuôi trai trong sản xuất ngọc trai).</p> <p>Các hoạt động đảm bảo một trong các tiêu chí sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng tiêu chuẩn VietGap - Quản lý nước thải ra môi trường - Sử dụng hiệu quả tài nguyên: thức ăn, thuốc bảo vệ... <p>Khai thác vừa phải, tránh gây suy giảm nguồn cá, hạn chế đánh bắt những loài cá không mong muốn</p> |
| C - CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO | | | | |

| STT | Mã ngành | Ngành kinh tế xanh | Phân loại | Nội dung các hoạt động |
|-----|----------|--|------------------|--|
| 9 | 10.X | Sản xuất chế biến thực phẩm thân thiện môi trường | Ngành chuyên đổi | <p>Quá trình chế biến thực phẩm đạt một trong các tiêu chí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào bền vững, tiết kiệm - Sử dụng 1 trong các loại bao bì thân thiện với môi trường: Bao bì tái chế; - Bao bì nhựa tự phân hủy sinh học đáp ứng tiêu chí Nhãn Xanh NXVN 03:2014 - Quản lý chất thải trong quá trình chế biến... |
| 10 | 11.X | Sản xuất đồ uống sử dụng bao bì thân thiện với môi trường | Ngành chuyên đổi | <p>Quá trình chế biến thực phẩm đạt một trong các tiêu chí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào bền vững, tiết kiệm - Sử dụng 1 trong các loại bao bì thân thiện với môi trường: Bao bì tái chế; Bao bì nhựa tự phân hủy sinh học đáp ứng tiêu chí Nhãn Xanh NXVN 03:2014 - Quản lý chất thải trong quá trình chế biến... |
| 11 | 1311.X | Sản xuất sợi thân thiện với môi trường | Ngành chuyên đổi | <p>Dệt sử dụng công nghệ cao và/hoặc sử dụng nguyên liệu thân thiện với môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ sử dụng màu tự nhiên - Hiệu suất cao giảm lượng nước cần sử dụng - Nguyên liệu tái chế - Nguyên liệu nguồn gốc từ thiên nhiên, dễ phân hủy |
| 12 | 14300.X | May trang phục từ sợi vải, sản phẩm dệt sử dụng công nghệ cao, nguyên liệu thân thiện với môi trường | Ngành chuyên đổi | <p>May mặc trang phục sử dụng các nguyên liệu đầu vào từ sợi vải, sản phẩm dệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng công nghệ cao để sản xuất - Sử dụng màu tự nhiên - Sử dụng nguyên liệu thân thiện với môi trường (tái chế, dễ phân hủy) |
| 13 | 1701.X | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa theo mô hình bền vững | Ngành chuyên đổi | <ul style="list-style-type: none"> - Bột giấy, giấy và bìa được sản xuất với nguyên liệu từ: + Giống cây lâm năng suất cao, được trồng tại rừng sản xuất được quy hoạch và đạt đúng tiêu chí chính phủ đề ra + Sử dụng nguyên liệu tái chế |

| STT | Mã ngành | Ngành kinh tế xanh | Phân loại | Nội dung các hoạt động |
|-----|----------|--|------------------|---|
| | | | | Sử dụng công nghệ cao giúp tiết kiệm lượng nước Sử dụng trong sản xuất Gắn công nghệ CCUS giúp thu hồi khí nhà kính thải ra từ quá trình sản xuất |
| 14 | 1811.X | In ấn xanh | Ngành chuyên đổi | In ấn cần đáp ứng 3 tiêu chí sau - Giấy in sản xuất theo mô hình bền vững (17012) - Hộp mực in dùng cho máy in, máy photocopy và máy fax đáp ứng tiêu chí Nhãn xanh NXVN 13:2014 - Máy in đáp ứng tiêu chí Nhãn xanh NXVN 14:2014 |
| 15 | 19.X | Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế sử dụng công nghệ cao và các giải pháp thân thiện với môi trường | Ngành chuyên đổi | Ngành này gồm: Việc chuyển dầu thô và than đá thành các sản phẩm có thể sử dụng được. Quá trình sản xuất nổi bật là tinh luyện dầu, bao gồm tách dầu thô thành các sản phẩm cấu thành thông qua các kỹ thuật như cracking và chưng cất. Hoạt động phải đảm bảo các tiêu chí sau: Áp dụng các công nghệ mới giúp giảm phát thải trong quá trình sản xuất (ví dụ công nghệ khí hóa than ngầm từ lòng đất - IGCC...) Giảm phát thải nhà kính thông qua cải thiện quy trình đốt hoặc sử dụng kỹ thuật loại bỏ khí thải - Sử dụng năng lượng tái tạo |
| 16 | 20112.X | Sản xuất chất nhuộm và chất màu thân thiện môi trường | Ngành chuyên đổi | Sản phẩm sử dụng nguyên liệu tự nhiên, với hàm lượng hóa chất đạt tiêu chuẩn quy định |

| STT | Mã ngành | Ngành kinh tế xanh | Phân loại | Nội dung các hoạt động |
|-----|----------|--|------------------|---|
| 17 | 20111.X | Sản xuất khí công nghiệp | Ngành chuyển đổi | Các hoạt động sản xuất amoniac và sản xuất các loại khí khác áp dụng nguyên tắc hóa học xanh |
| 18 | 20113.X | Sản xuất hydrogen sạch | Ngành chuyển đổi | Các hoạt động sản xuất hydrogen, bao gồm: Hydrogen xanh lá được tạo từ công nghệ điện phân sử dụng điện tái tạo Hydrogen sử dụng công nghệ reforming có phát thải CO2, đồng thời sử dụng công nghệ thu giữ CO2 CCUS |
| 19 | 20114.X | Sản xuất hóa chất hữu cơ cơ bản khác | Ngành chuyển đổi | Các hoạt động sản xuất methanol và sản xuất các loại hóa chất hữu cơ cơ bản khác áp dụng nguyên tắc hóa học xanh |
| 20 | 2012.X | Sản xuất phân đạm xanh | Ngành chuyển đổi | Phân đạm sử dụng hydro xanh lá làm nguyên liệu sản xuất sản phẩm |
| 21 | 20210.X | Sản xuất thuốc trừ sâu sinh học | Ngành chuyển đổi | Thuốc trừ sâu sử dụng nguyên liệu sinh học hạn chế ảnh hưởng môi trường |
| 22 | 20221.X | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, ma tít xanh | Ngành chuyển đổi | Sản phẩm đáp ứng tiêu chí nhãn xanh NXVN 11:2014 - Sơn phủ dùng trong xây dựng |

| STT | Mã ngành | Ngành kinh tế xanh | Phân loại | Nội dung các hoạt động |
|-----|----------|--|------------------|---|
| 23 | 20222.X | Sản xuất mực in xanh | Ngành chuyển đổi | Sản phẩm đáp ứng tiêu chí nhãn xanh NXVN 13:2014 - Hộp mực in dùng cho máy in, máy photocopy và máy fax |
| 24 | 20232.X | Sản xuất xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh xanh | Ngành chuyển đổi | Đáp ứng các tiêu chí nhãn xanh: NXVN 01:2014 - Bột giặt NXVN 08:2014 - Chăm sóc tóc NXVN 09:2014 - Xà phòng bánh NXVN 10:2014 - Nước rửa bát bằng tay |
| 25 | 22201.X | Sản xuất bao bì từ plastic thân thiện với môi trường | Ngành chuyển đổi | Nhóm này gồm: - Sản xuất đồ nhựa dùng để gói hàng như: Túi, bao tải, hộp, thùng, hòm, bình lớn, chai lọ bằng nhựa. Quá trình sản xuất đảm bảo các tiêu chí sau: - Sử dụng nguyên vật liệu tái chế, nguyên liệu sinh học, thân thiện với môi trường - Bao bì có khả năng tái chế sau khi sử dụng - Đạt tiêu chí Nhãn sinh thái Việt Nam đối với bao bì nhựa thân thiện với môi trường |
| 26 | 22209.X | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | Ngành chuyển đổi | Nhóm này gồm: Chế biến chất dẻo mới hoặc nhựa đã dùng thành các sản phẩm trung gian hoặc sản phẩm cuối cùng sử dụng các hoạt động như khuôn nén; đẩy nén, thổi nén, phun nén và cắt. Đối với tất cả các quá trình trên, quá trình sản xuất là quá trình tạo ra nhiều loại sản phẩm. Ví dụ: sản phẩm plastic bán chế biến, sản phẩm nhựa hoàn thiện.... Các sản phẩm này cần đáp ứng các tiêu chí sau: - Sử dụng nguyên vật liệu tái chế, nguyên liệu sinh học, thân thiện với môi trường - Giảm phát thải, tiết kiệm điện năng, tăng cường hiệu suất so với quá trình sản xuất thông |

| STT | Mã ngành | Ngành kinh tế xanh | Phân loại | Nội dung các hoạt động |
|-----|----------|---|------------------|--|
| | | | | thường... |
| 27 | 23941.X | Sản xuất xi măng | Ngành chuyển đổi | Sản xuất xi măng đáp ứng các tiêu chí xanh bao gồm: sử dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính; điều chỉnh, thay đổi thành phần nguyên nhiên liệu đầu vào thân thiện môi trường, giảm phát thải khí nhà kính; Áp dụng công nghệ thu và lưu giữ các-bon (CCUS). |
| 28 | 24.X | Sản xuất kim loại, bao gồm sắt, thép, gang xanh và các kim loại khác | Ngành chuyển đổi | Tất cả các hoạt động sản xuất sắt, thép, gang, kim loại quý, kim loại màu áp dụng công nghệ mới ít phát thải, ứng dụng CCUS |
| 29 | 23990.X | Sản xuất vật liệu xây dựng khác thân thiện với môi trường | Ngành chuyển đổi | Sản xuất kính, gạch ốp lát, sứ vệ sinh, gạch ngói... áp dụng công nghệ thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính |
| 30 | 25.X | Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) thân thiện với môi trường | Ngành chuyển đổi | Hoạt động sản xuất các các cấu kiện kim loại, thùng, bể chứa và nồi hơi, các cấu kiện kim loại, thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại, nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm), sản phẩm khác bằng kim loại; các dịch vụ xử lý, gia công kim loại, Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại, Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại, dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng, đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn và các sản phẩm bằng kim loại khác |

| STT | Mã ngành | Ngành kinh tế xanh | Phân loại | Nội dung các hoạt động |
|-----|----------|--|---------------------|---|
| 31 | 26.X | Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học thân thiện với môi trường | Ngành chuyển đổi | Ngành này gồm: Sản xuất máy tính, linh kiện máy tính, thiết bị truyền thông và các sản phẩm điện tử cùng loại cũng như sản xuất các linh kiện cho các sản phẩm này, đạt một trong các tiêu chí sau: - Sử dụng nguyên vật liệu tái chế Sản phẩm thân thiện với môi trường (tái sử dụng hoặc tiết kiệm năng lượng) Hạn chế rác thải trong quá trình sản xuất... |
| 32 | 271.X | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện | Ngành chuyển đổi | Nhóm này gồm: Sản xuất các máy biến thế điện, phân phối và các máy biến thế chuyên dùng; máy phát điện, tập trung; bộ chuyển mạch và tổng đài; role và điều khiển công nghiệp. Thiết bị điện trong nhóm này phân theo mức độ điện trở. Quá trình sản xuất đảm bảo tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường, sản phẩm bền vững, có thể tái sử dụng. |
| 33 | 27200.X | Sản xuất, tái chế pin và ắc quy cho mục đích tái sử dụng | Ngành chuyển đổi | Các hoạt động sản xuất pin và ắc quy đạt tiêu chuẩn về tái sử dụng, hoạt động tái chế và tái sử dụng |
| 34 | 27400.X | Sản xuất Bóng đèn LED và mô đun LED xanh | Ngành chuyển đổi | Sản phẩm đạt tiêu chí nhãn xanh NXVN 17:2017: Bóng đèn LED và mô đun LED dùng cho chiếu sáng thông dụng |
| 35 | 27900.X | Sản xuất thiết bị điện xanh khác | Ngành xanh/ phụ trợ | Sản xuất các thiết bị điện hỗn hợp khác không phải là máy phát, mô tơ hay máy truyền tải điện năng, pin, ắc quy, dây dẫn, thiết bị có dây dẫn, thiết bị chiếu sáng và thiết bị điện gia dụng. Quá trình sản xuất cần đảm bảo các tiêu chuẩn về tái sử dụng, tái chế; Khuyến khích các sản phẩm thiết bị xanh phục vụ lưu trữ năng lượng tái tạo, năng lượng sạch ví dụ: pin nhiên liệu hydrogen.... |

| STT | Mã ngành | Ngành kinh tế xanh | Phân loại | Nội dung các hoạt động |
|-----|----------|--|------------------|--|
| 36 | 281.X | Sản xuất máy thông dụng tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường | Ngành chuyển đổi | Sản xuất máy móc dùng cho mục đích chung, đảm bảo tiết kiệm hiệu năng, thân thiện với môi trường hoặc là sản phẩm phụ trợ cho các sản phẩm xanh, dự án xanh khác: lò đốt than tiết kiệm nhiên liệu ít phát thải, trang thiết bị xây dựng công trình xanh... |
| 37 | 275.X | Sản xuất đồ điện dân dụng tiết kiệm điện năng | Ngành chuyển đổi | Sản xuất các thiết bị điện gia dụng đảm bảo tiết kiệm điện năng, thân thiện với môi trường |
| 38 | 28299.X | Sản xuất máy phục vụ chuyển đổi xanh | Ngành phụ trợ | Các thiết bị, máy móc phục vụ chuyển đổi xanh bao gồm: - Thiết bị sản xuất điện (Tua bin gió, pin mặt trời, máy điện phân H ₂ , lò đốt điện sinh khối, điện rác) - Hệ thống lưu trữ điện tái tạo Các máy móc thiết bị được quy định trong quyết định 980/QĐ-TTg Thủ tướng Chính phủ ngày 22 tháng 8 năm 2023 và các máy móc thiết bị khác, như thiết bị, sản phẩm, công nghệ phục vụ yêu cầu bảo vệ môi trường |
| 39 | 29100.X | Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác sử dụng nguyên liệu ít phát thải | Ngành chuyển đổi | Ô tô và xe có động cơ khác sử dụng nguyên liệu sạch ít phát thải: - Xăng dầu sinh học LPG - ... |
| 40 | 30990.X | Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác không phát thải | Ngành chuyển đổi | Ô tô và xe có động cơ khác sử dụng nguyên liệu sạch không phát thải: - Điện - Hydrogen |

| STT | Mã ngành | Ngành kinh tế xanh | Phân loại | Nội dung các hoạt động |
|-----|----------|--|------------------|--|
| 41 | 29300.X | Sản xuất, tái sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác | Ngành phụ trợ | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác không phát thải hoặc ít phát thải hoặc/và sử dụng nguyên liệu đầu vào thân thiện với môi trường, áp dụng hình thức sản xuất xanh, công nghệ hiện đại |
| 42 | 301.X | Đóng tàu và thuyền sử dụng nhiên liệu xanh, tiết kiệm năng lượng | Ngành chuyển đổi | Đóng tàu và thuyền sử dụng nhiên liệu xanh, tiết kiệm năng lượng hoặc/và sử dụng nguyên liệu đầu vào thân thiện với môi trường, áp dụng hình thức sản xuất xanh, công nghệ hiện đại |
| 43 | 30200.X | Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe ít phát thải | Ngành chuyển đổi | Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe ít phát thải hoặc/và sử dụng nguyên liệu đầu vào thân thiện với môi trường, áp dụng hình thức sản xuất xanh, công nghệ hiện đại giúp giảm phát thải |
| 44 | 30200.X | Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe không phát thải | Ngành chuyển đổi | Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe không phát thải hoặc/và sử dụng nguyên liệu đầu vào thân thiện với môi trường, áp dụng hình thức sản xuất xanh, công nghệ hiện đại giúp đưa phát thải về 0 trong quá trình sản xuất |
| 45 | 30910.X | Sản xuất mô tô, xe máy ít phát thải | Ngành chuyển đổi | Sản xuất mô tô, xe máy ít phát thải không phát thải hoặc ít phát thải hoặc/và sử dụng nguyên liệu đầu vào thân thiện với môi trường, áp dụng hình thức sản xuất xanh, công nghệ hiện đại |
| 46 | 30910.X | Sản xuất mô tô, xe máy không phát thải | Ngành chuyển đổi | Sản xuất mô tô, xe máy không phát thải hoặc/và sử dụng nguyên liệu đầu vào thân thiện với môi trường, áp dụng hình thức sản xuất xanh, công nghệ hiện đại giúp đưa phát thải về 0 trong quá trình sản xuất |

| STT | Mã ngành | Ngành kinh tế xanh | Phân loại | Nội dung các hoạt động |
|-----|----------|---|------------------|---|
| 47 | 33150.X | Sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp và thay thế phương tiện vận tải | Ngành chuyển đổi | Sửa chữa và bảo dưỡng các thiết bị vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) không phát thải hoặc ít phát thải hoặc/và ứng dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường |
| 48 | 19200.X | Sản xuất nhiên liệu sinh học lỏng | Ngành chuyển đổi | Sản xuất nhiên liệu lỏng từ dầu thô, khoáng bitum hoặc các sản phẩm phân đoạn của chúng. Tinh luyện dầu gồm một hoặc nhiều các hoạt động sau: phân đoạn, chưng cất thẳng từ dầu thô, cracking. Cụ thể trộn nhiên liệu sinh học, sản xuất nhiên liệu sinh học lỏng như xăng dầu sinh học |
| 49 | 19200.X | Sản xuất nhiên liệu sinh học rắn | Ngành chuyển đổi | Sản xuất nhiên liệu sinh học rắn từ dầu thô, khoáng bitum hoặc các nguyên liệu sinh khối, sản xuất nhiên liệu sinh học rắn, ví dụ như nhiên liệu sinh khối |
| 50 | 33.X | Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị | Ngành phụ trợ | <p>Ngành này gồm sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt máy móc và thiết bị đảm bảo nâng cấp tối ưu, chuyển đổi theo hướng tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc và thiết bị công nghiệp nhằm khôi phục lại máy móc thiết bị và các sản phẩm khác. Việc bảo dưỡng chung hay định kỳ các sản phẩm này đảm bảo chúng hoạt động hiệu quả và tránh các hỏng hóc và sửa chữa không cần thiết; - Các hoạt động sửa chữa và bảo dưỡng chuyên dụng. Một khối lượng khá lớn công việc sửa chữa cũng được các nhà sản xuất các sản phẩm máy móc thiết bị thực hiện, trong các trường hợp này việc xếp đơn vị tham gia vào các hoạt động sửa chữa và sản xuất này sẽ dựa vào nguyên tắc giá trị gia tăng mà theo thói thường các hoạt động kết hợp này thường được xếp vào sản xuất hàng hóa. Nguyên tắc tương tự cũng được áp dụng với hoạt động thương mại và sửa chữa kết hợp; - Tái tạo và tái sản xuất máy móc thiết bị cũng được coi là hoạt động sản xuất; |

| STT | Mã ngành | Ngành kinh tế xanh | Phân loại | Nội dung các hoạt động |
|---|----------|--|------------|--|
| | | | | <p>- Sửa chữa và bảo dưỡng hàng hóa là tài sản cố định cũng như đồ tiêu dùng được phân vào sửa chữa và bảo dưỡng đồ gia dụng (ví dụ sửa chữa thiết bị văn phòng hay đồ nội thất, xem 95240 (Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự).</p> <p>Ngành này cũng gồm: Lắp đặt chuyên biệt máy móc. Tuy nhiên, việc lắp đặt thiết bị là một phần không thể tách rời của nhà cửa hoặc cấu trúc tương tự như lắp đặt đường dây, lắp đặt hệ thống điều hoà không khí được phân vào phần xây dựng.</p> |
| D - SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI ĐIỆN, KHÍ ĐỐT, NƯỚC NÓNG, HƠI NƯỚC VÀ ĐIỀU HOÀ KHÔNG KHÍ | | | | |
| 51 | 35112.X | Nhiệt điện khí | Ngành xanh | Nhóm này gồm hoạt động sản xuất điện từ khí thiên nhiên đáp ứng các tiêu chuẩn sản xuất thân thiện với môi trường |
| 52 | 35122.X | Điện gió | Ngành xanh | Nhóm này gồm hoạt động sản xuất điện từ năng lượng gió; |
| 53 | 35123.X | Điện mặt trời | Ngành xanh | Nhóm này gồm hoạt động sản xuất điện từ năng lượng mặt trời |
| 54 | 35129.X | Sản xuất điện ít phát thải, điện tái tạo | Ngành xanh | <p>Nhóm này gồm: Việc sản xuất điện năng với số lượng lớn tại cơ sở sản xuất điện tái tạo khác: địa nhiệt, năng lượng đại dương,...</p> <p>Cũng bao gồm việc sản xuất điện năng giảm phát thải từ các nguồn khác: sinh khối, ammonia... và các hình thức đồng đốt điện than với sinh khối và ammonia, sản xuất điện từ</p> |

| STT | Mã ngành | Ngành kinh tế xanh | Phân loại | Nội dung các hoạt động |
|-----|----------|---|---------------|---|
| | | | | rác thải... |
| 55 | 3512.X | Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo | Ngành phụ trợ | Nhóm này gồm: Việc chuyển điện từ nơi sản xuất đến các trung tâm phân phối và phân phối đến người sử dụng cuối cùng. Nhóm này cũng bao gồm các hoạt động xây dựng, sửa chữa, nâng cấp hệ thống phân phối, truyền tải điện (đường dây, trạm biến áp), đặc biệt với năng lượng tái tạo. Nhóm này cũng bao gồm quá trình lưu trữ điện năng trước khi phân phối và truyền tải. |
| 56 | 35201.X | Sản xuất khí đốt từ phế phẩm nông nghiệp | Ngành xanh | Sản xuất khí đốt bằng việc chuyển đổi các phế phẩm hữu cơ từ hoạt động nông nghiệp thành khí đốt, thường là khí metan (CH ₄) và khí cacbon dioxide (CO ₂), thông qua quá trình ủ phân hủy vi sinh. Quá trình này được gọi là quá trình ủ phân sinh học (anaerobic digestion) hoặc quá trình biogasification |
| 57 | 35201.X | Sản xuất khí đốt từ rác thải | Ngành xanh | Hoạt động sản xuất khí đốt bằng việc biến đổi chất thải rắn hữu cơ, thường là rác thải hộ gia đình hoặc rác thải công nghiệp, thành khí đốt, chủ yếu là khí metan (CH ₄) và khí cacbon dioxide (CO ₂), thông qua quá trình ủ phân hủy vi sinh học. |
| 58 | 35202.X | Phân phối nhiên liệu bằng đường ống dành cho khí thiên nhiên, khí đốt từ phế phẩm nông nghiệp và rác thải | Ngành phụ trợ | Nhóm này gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Vận chuyển, phân phối và cung cấp nhiên liệu khí các loại thông qua hệ thống ống dẫn chính; - Bán khí đến người sử dụng thông qua ống dẫn chính; - Hoạt động của các đại lý và nhà môi giới mà thu xếp việc mua bán khí đốt thông qua hệ thống phân phối của người khác; - Mua bán, trao đổi nhiên liệu khí và khả năng vận chuyển nhiên liệu khí. |

| STT | Mã ngành | Ngành kinh tế xanh | Phân loại | Nội dung các hoạt động |
|--|----------|--|---------------|---|
| 59 | 3530.X | Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng và điều hoà không khí sử dụng năng lượng tái tạo | Ngành phụ trợ | Nhóm này gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất, tập trung và phân phối hơi nước và nước nóng để đốt nóng, cung cấp năng lượng và các mục đích khác; - Sản xuất và phân phối không khí lạnh; - Sản xuất và phân phối nước lạnh cho mục đích làm mát; Sử dụng nguồn nguyên liệu tái tạo: năng lượng mặt trời, địa nhiệt |
| E - CUNG CẤP NƯỚC; HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI, NƯỚC THẢI | | | | |
| 60 | 360.X | Khai thác, xử lý và cung cấp nước | Ngành xanh | Ngành này gồm: Khai thác, xử lý và phân phối nước cho nhu cầu sản xuất và sinh hoạt. Khai thác nước ở các nguồn khác nhau cũng như phân phối nước bằng các cách khác nhau. |
| 61 | 370.X | Thoát nước và xử lý nước thải | Ngành xanh | Hoạt động của hệ thống cống rãnh hoặc các phương tiện xử lý nước thải để thu dọn, xử lý và tiêu hủy nước thải, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn quy định - Xử lý nước thải công nghiệp đạt tiêu chuẩn quy định - Dịch vụ xử lý nước thải tuần hoàn - Dịch vụ thoát nước |
| 62 | 380.X | Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải, tái chế phế liệu | Ngành xanh | Ngành này gồm: Thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải. Nó còn gồm việc chuyên chở rác thải; gồm hoạt động của các cơ sở tái chế phế liệu (tức là việc phân loại sắp xếp các nguyên, vật liệu có thể giữ lại từ vật thải). Các hoạt động này bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định - Dịch vụ xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định - Dịch vụ thu gom rác thải không độc hại có phân loại tại nguồn |

| STT | Mã ngành | Ngành kinh tế xanh | Phân loại | Nội dung các hoạt động |
|---------------------|----------|---|------------|--|
| | | | | <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ thu gom rác thải không độc hại - Dịch vụ thu gom rác thải không độc hại - Tái chế chất thải - Dịch vụ xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại đạt tiêu chuẩn quy định - Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại đạt tiêu chuẩn quy định |
| 63 | 390.X | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác | Ngành xanh | <p>Nhóm này gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khử độc các vùng đất và nước ngầm tại nơi bị ô nhiễm, ở vị trí hiện tại hoặc vị trí cũ, thông qua sử dụng các phương pháp cơ học, hoá học hoặc sinh học; - Khử độc các nhà máy công nghiệp hoặc các khu công nghiệp, gồm cả nhà máy và khu hạt nhân; - Khử độc và làm sạch nước bề mặt tại các nơi bị ô nhiễm do tai nạn, ví dụ như thông qua việc thu gom chất gây ô nhiễm hoặc thông qua sử dụng các chất hoá học; - Làm sạch dầu loang và các chất gây ô nhiễm khác trên đất, trong nước bề mặt, ở đại dương và biển, gồm cả vùng bờ biển; - Hủy bỏ amiăng, sơn chì và các vật liệu độc khác; - Hoạt động kiểm soát ô nhiễm chuyên dụng khác. |
| F - XÂY DỰNG | | | | |
| 64 | 42.X | Xây dựng các công trình xanh | Ngành xanh | <p>Nhóm này gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tất cả các hoạt động xây dựng công trình chung và xây dựng chuyên dụng cho các công trình nhà, công trình kỹ thuật dân dụng và hạ tầng kỹ thuật của khu công nghiệp. Bao gồm xây mới, sửa chữa. Bao gồm xây mới, sửa chữa, mở rộng và cải tạo, lắp ghép các cấu trúc hoặc cấu kiện đúc sẵn trên mặt bằng xây dựng và xây dựng các công trình tạm nhằm đảm bảo sản phẩm đạt được một trong các tiêu chí sau: |

| STT | Mã ngành | Ngành kinh tế xanh | Phân loại | Nội dung các hoạt động |
|-----|----------|--|------------|---|
| | | | | <p>+ Hiệu suất năng lượng: Tiết kiệm năng lượng và sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo. Điều này có thể bao gồm việc sử dụng hệ thống ánh sáng hiệu quả, cách nhiệt tốt, và lựa chọn nguồn cung cấp năng lượng xanh.</p> <p>+ Sử dụng vật liệu bền vững: Lựa chọn các vật liệu xây dựng có nguồn gốc bền vững, như gỗ tái chế và vật liệu tái sử dụng. Điều này giúp giảm tác động lên môi trường và tài nguyên tự nhiên.</p> <p>+ Quản lý nước: Tận dụng nước mưa và giảm sự tiêu tốn nước. Điều này bao gồm việc sử dụng hệ thống thu nước mưa và quản lý dòng chảy nước mưa.</p> <p>+ Quản lý rác thải: Công trình xanh cần phải có hệ thống quản lý rác thải hiệu quả, bao gồm việc tái sử dụng, phân loại, và giảm thiểu rác thải.</p> <p>+ Quản lý nhiệt độ: Để giảm hiệu ứng đảo nhiệt đô thị, công trình xanh cần phải tối ưu hóa thiết kế để giảm bức xạ nhiệt và trồng cây xanh.</p> |
| 65 | 42990.X | Xây dựng công trình giao thông sử dụng nguyên liệu sắt thép xanh | Ngành xanh | <p>Xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, như cầu, cầu vượt, đường cao tốc, hay các công trình tương tự, bằng cách sử dụng sắt thép tái chế hoặc sắt thép có tính năng bảo vệ môi trường cao. Sắt thép xanh thường được sản xuất và sử dụng theo các tiêu chuẩn và quy trình thiết kế thân thiện với môi trường, giúp giảm thiểu tác động tiêu cực lên tự nhiên và nguồn tài nguyên. Sử dụng sắt thép xanh trong xây dựng giao thông nhằm mục đích bảo vệ môi trường và thúc đẩy phát triển bền vững.</p> |
| 66 | 42210.X | Xây dựng công trình điện | Ngành xanh | <p>Xây dựng các công trình điện sản xuất từ năng lượng tái tạo, năng lượng thân thiện với môi trường, các hoạt động bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công trình thủy điện; - Công trình điện gió; - Công trình điện mặt trời; - Công trình điện địa nhiệt; - Công trình điện thủy triều; |

| STT | Mã ngành | Ngành kinh tế xanh | Phân loại | Nội dung các hoạt động |
|-----|----------|---|---------------|--|
| | | | | Công trình điện khí biogas |
| 67 | 42220.X | Xây dựng công trình cấp, thoát nước | Ngành xanh | Các hoạt động trong nhóm này gồm: - Xây dựng công trình cấp, thoát nước; - Xây dựng công trình cấp, thoát nước khử mặn nước biển và nước lợ; - Xây dựng công trình cấp, thoát nước tiết kiệm tài nguyên nước; - Dịch vụ xây dựng công trình cấp, thoát nước thông minh (Gồm: dịch vụ xây dựng, sửa chữa, phục hồi, thay thế các công trình cấp, thoát nước thông minh - Xây dựng công trình cấp, thoát nước tuần hoàn nước; |
| 68 | 42290.X | Xây dựng công trình công ích khác | Ngành xanh | Xây dựng các công trình xử lý và tái chế rác thải, bùn thải, khí thải, (không bao gồm nước thải) |
| 69 | 43290.X | Lắp đặt công trình năng lượng sạch | Ngành xanh | Lắp đặt, vận hành hệ thống máy móc phục vụ ngành năng lượng sạch bao gồm: - Thiết bị sản xuất điện (Tua bin gió, pin mặt trời, máy điện phân H ₂ , lò đốt điện sinh khối, điện rác) - Hệ thống lưu trữ điện tái tạo - Hệ thống trạm sạc điện, nhiên liệu xanh |
| 70 | 43900.X | Xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị bảo vệ môi trường | Ngành phụ trợ | Các máy móc thiết bị được quy định trong quyết định 980/QĐ-TTg Thủ tướng Chính phủ ngày 22 tháng 8 năm 2023 và các máy móc thiết bị khác: - Hệ thống xử lý rác thải.. - Thiết bị đo lường, giám sát phát thải.... Đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường... |

| STT | Mã ngành | Ngành kinh tế xanh | Phân loại | Nội dung các hoạt động |
|----------------------------|----------|---|---------------------|---|
| 71 | 42920.X | Xây dựng công trình khai khoáng | Ngành phụ trợ | Nhóm này gồm các hoạt động xây dựng công trình công nghiệp khai khoáng xanh không phải nhà như: nhà máy lọc dầu, công trình khai thác than, quặng... đảm bảo các tiêu chuẩn về việc xây dựng xanh |
| H - VẬN TẢI KHO BÃI | | | | |
| 72 | 492.X | Vận tải hành khách bằng xe buýt | Ngành xanh | Dịch vụ vận tải hành khách bằng xe buýt không phát thải hoặc phát thải ít |
| 73 | 49311.X | Vận tải hành khách bằng hệ thống đường sắt ngầm hoặc đường sắt trên cao | Ngành xanh | Vận tải hành khách bằng hệ thống đường sắt ngầm hoặc đường sắt trên cao không phát thải hoặc ít phát thải |
| 74 | 49319.X | Vận tải hành khách bằng phương tiện không phát thải | Ngành xanh/ phụ trợ | Ngành này gồm: Hoạt động vận tải hành khách theo tuyến cố định hoặc không, bằng các phương thức vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy hoặc hàng không sử dụng các phương tiện phát thải thấp (xe ô tô, xe máy, tàu điện hoặc nguyên liệu hydrogen...) |
| 75 | 49339.X | Vận tải hàng hóa bằng phương tiện phát thải thấp (xe điện,...) | Ngành xanh/ phụ trợ | Ngành này gồm: Hoạt động vận tải hàng hóa, theo tuyến cố định hoặc không, bằng các phương thức vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy hoặc hàng không sử dụng các phương tiện phát thải thấp (xe ô tô, xe máy điện, tàu điện...) |

| STT | Mã ngành | Ngành kinh tế xanh | Phân loại | Nội dung các hoạt động |
|--------------------------------------|----------|--|---------------|---|
| 76 | 49400.X | Vận tải đường ống khí thiên nhiên | Ngành phụ trợ | Hoạt động vận chuyển dầu, khí tự nhiên bằng đường ống; Các hoạt động cung cấp gas riêng biệt bằng đường ống dẫn khí, chủ yếu là khoảng cách dài, nối người sản xuất với nhà phân phối khí hoặc giữa thành thị với nông thôn; Vận chuyển gas theo đường ống (đường dài) |
| J - THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG | | | | |
| 77 | 63110.X | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan | Ngành phụ trợ | Hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê, dịch vụ xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan, cung cấp các công cụ tìm kiếm và cổng khác cho internet. |
| 78 | 59.X | Sản xuất chương trình truyền hình, hoạt động điện ảnh về bảo vệ môi trường | Ngành phụ trợ | Nhóm này gồm: - Sản xuất phim thuộc đề bảo vệ môi trường trên chất liệu là phim nhựa, băng video, đĩa hoặc phương tiện truyền thông khác, bao gồm phát hành kỹ thuật số, cho việc chiếu trực tiếp ở các rạp hoặc hát trên vô tuyến truyền hình; - Hoạt động hỗ trợ như biên tập, cắt phim hoặc lồng tiếng...; cho phim đề tài môi trường - Hoạt động phát hành phim điện ảnh về môi trường cũng như việc chiếu các loại phim này. Nhóm này cũng gồm: Mua và bán quyền phát hành phim điện ảnh hoặc phim khác có đề tài môi trường |

| STT | Mã ngành | Ngành kinh tế xanh | Phân loại | Nội dung các hoạt động |
|---|----------|--|---------------|---|
| 79 | 60.X | Hoạt động phát thanh, truyền hình về bảo vệ môi trường | Ngành phụ trợ | Ngành này gồm: Hoạt động xây dựng chương trình liên quan đến môi trường hoặc có quyền phân phối nội dung và phát các chương trình đó Phát sóng các dữ liệu, điển hình là phát trên đài phát thanh và vô tuyến truyền hình. Việc phát sóng có thể được tiến hành bằng cách sử dụng các công nghệ khác nhau, qua không trung, qua vệ tinh, qua mạng dây cáp hoặc qua mạng internet; |
| K - HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH, NGÂN HÀNG VÀ BẢO HIỂM | | | | |
| 80 | 66190.X | Hoạt động dịch vụ tài chính cho các dự án xanh (tín dụng, tư vấn tài chính...) và các hoạt động phòng chống và khắc phục hậu quả thiên tai | Ngành phụ trợ | Ngành này gồm: Hoạt động dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, tái bảo hiểm, bảo hiểm xã hội và các hoạt động tương tự như trung gian tài chính và các hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính khác đối với đối tượng đầu tư là các dự án xanh và các bên liên quan khác chịu ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu Ngành này cũng gồm: Hoạt động nắm giữ tài sản như: Hoạt động của các công ty nắm giữ tài sản, hoạt động quỹ tín thác và các công cụ tài chính khác đối với tài sản thu được từ các dự án xanh. |

| STT | Mã ngành | Ngành kinh tế xanh | Phân loại | Nội dung các hoạt động |
|--|----------|---|------------|--|
| 81 | 66.X | Hoạt động của sàn giao dịch chứng chỉ carbon | Ngành xanh | <p>Sàn giao dịch tín chỉ carbon là một thị trường được tổ chức nơi mà các quyền phát thải carbon được mua và bán. Tín chỉ carbon, còn được biết đến như là "quyền phát thải", là các đơn vị đo lường được sử dụng để biểu diễn việc giảm khí thải nhà kính. Mỗi tín chỉ thường tương đương với một tấn carbon dioxide hoặc một lượng tương đương của một khí nhà kính khác.</p> <p>- Cơ chế thị trường: Sàn giao dịch hoạt động dựa trên nguyên tắc cung và cầu. Các doanh nghiệp hoặc tổ chức cần giảm lượng khí thải của mình có thể mua tín chỉ từ những người khác đã giảm được lượng khí thải nhiều hơn mức yêu cầu.</p> <p>Quy định và Hạn mức Phát thải: Hệ thống sàn giao dịch tín chỉ carbon hoạt động dựa trên cơ chế "cap-and-trade", nghĩa là chính phủ hoặc một cơ quan quản lý đặt ra một hạn mức tổng cộng cho lượng khí thải nhà kính và chia hạn mức này thành các tín chỉ.</p> <p>Loại Tín Chỉ: Có hai loại tín chỉ chính là tín chỉ phát thải (được cấp cho những dự án giảm khí thải trong nước) và tín chỉ giảm phát thải (đối với các dự án quốc tế).</p> <p>Thị trường : Thị trường Quy định- Sàn giao dịch tín chỉ carbon có thể hoạt động và được kiểm soát bởi các quy định của chính phủ.</p> |
| L - HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN | | | | |
| 82 | 68.X | Hoạt động kinh doanh bất động sản đối với các dự án sinh thái | Ngành xanh | <p>Hoạt động của chủ đất, các đại lý, các nhà môi giới trong những hoạt động sau: mua hoặc bán bất động sản, cho thuê bất động sản, cung cấp các dịch vụ về bất động sản khác như định giá bất động sản hoặc hoạt động của các đại lý môi giới bất động sản</p> <p>Trong đó, sản phẩm bất động sản là sản phẩm sinh thái, khu công nghiệp sinh thái...</p> |
| M - HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ | | | | |

| STT | Mã ngành | Ngành kinh tế xanh | Phân loại | Nội dung các hoạt động |
|-----|----------|--|---------------|--|
| 83 | 70220.X | Hoạt động tư vấn quản lý về Môi Trường, Xã Hội & Quản Trị Doanh Nghiệp (ESG) | Ngành phụ trợ | Nhóm này gồm: Việc cung cấp tư vấn, hướng dẫn và trợ giúp điều hành đối với doanh nghiệp và các tổ chức khác trong vấn đề quản lý ESG, như lập chiến lược và kế hoạch hoạt động, quyết định mục tiêu, chính sách nguồn nhân lực, thực thi và kế hoạch; tiến độ và kế hoạch giám sát Tư vấn chiến lược và triển khai các dự án xanh, hệ thống quản lý xanh |
| 84 | 71.X | Hoạt động kiến trúc; kiểm tra và phân tích kỹ thuật tiêu chuẩn xanh, chứng nhận xanh | Ngành phụ trợ | Các hoạt động đa đặc và bản đồ, hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước, tư vấn kỹ thuật có liên quan, kiểm tra và phân tích kỹ thuật đáp ứng tiêu chuẩn xanh, chứng nhận xanh |
| 85 | 829.X | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu | Ngành phụ trợ | Hoạt động hỗ trợ kinh doanh cho các hoạt động kinh tế, xã hội, môi trường phục vụ tăng trưởng xanh |

| STT | Mã ngành | Ngành kinh tế xanh | Phân loại | Nội dung các hoạt động |
|-----|----------|---|---------------|---|
| 86 | 72100.X | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực năng lượng sạch | Ngành phụ trợ | Bao gồm - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ năng lượng mặt trời - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ năng lượng gió - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ hydorgen sạch - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ địa nhiệt - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ năng lượng đại dương - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sinh học - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ năng lượng khác - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tiên tiến và tuần hoàn chất thải ngành công nghiệp, nông nghiệp theo hướng hữu cơ thông minh và tăng trưởng xanh |
| 87 | 721.X | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên | Ngành phụ trợ | Các máy móc thiết bị được quy định trong quyết định 980/QĐ-TTg Thủ tướng Chính phủ ngày 22 tháng 8 năm 2023 và các máy móc thiết bị khác, như thiết bị, sản phẩm, công nghệ phục vụ yêu cầu bảo vệ môi trường |
| 88 | 72110.X | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực quan trắc, giám sát và đánh giá rủi ro thiên tai | Ngành phụ trợ | Bao gồm - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học trái đất và môi trường liên quan; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên khác. - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực quan trắc, giám sát và đánh giá rủi ro thiên tai. |